

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thúy Hằng và ông Trần Lê

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trúc L

Tạm trú tại: tỉnh Phú Yên

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc V

Trú tại: tỉnh Phú Yên

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Ph; Trú tại: tỉnh Phú Yên.

- Vợ chồng ông Trần Văn H và bà Lê Thị Y; Trú tại: tỉnh Phú Yên.

- Vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị M; Trú tại: tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Quốc V tự nguyện tìm hiểu, đi nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H Q B, huyện Phú Hòa cấp giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn ngày 23/11/2015. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2018, cuộc sống hôn nhân bắt đầu rạn nứt, không hạnh phúc và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó tôi xin được ly hôn với anh Trần Quốc V.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 (hai) con chung cháu Trần Minh Ph, sinh ngày 14/9/2016 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019. Hiện nay, cả hai cháu đều do tôi trực tiếp nuôi. Khi vợ chồng ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao hai cháu cho tôi tiếp tục trực tiếp nuôi, yêu cầu anh Trần Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng/ hai con.

Về tài sản chung: Ngày 21/02/2022, tôi và anh Trần Quốc V cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lập biên bản thỏa thuận với nội dung: Xác định tài sản chung, phân chia tài sản chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ chung. Sau khi đối trừ nghĩa vụ, anh Trần Quốc V đồng ý trả giá trị tài sản cho tôi là 86.281.821 đồng vào ngày 20/3/2022 nhưng cho đến nay anh Việt vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Quốc V thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho tôi để tôi nuôi các con.

Bị đơn anh Trần Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với trình bày của chị Lê Thị Trúc L về việc kết hôn và cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn. Nay tôi đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Trúc L.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 (hai) con chung là: cháu Trần Minh P, sinh ngày 14/9/2016 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019. Hiện nay, cả hai cháu đều do chị Lê Thị Trúc L trực tiếp nuôi. Khi vợ chồng ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cháu Trần Minh P, sinh ngày 14/9/2016 cho tôi trực tiếp nuôi; giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019 cho chị Lê Thị Trúc L trực tiếp nuôi và các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ngày 21/02/2022, tôi và chị Lê Thị Trúc L cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lập biên bản thỏa thuận với nội dung: Tôi có nghĩa vụ trả giá trị tài sản cho chị Lê Thị Trúc L 86.281.821 đồng vào ngày 20/3/2022 là đúng. Tuy nhiên, tôi chưa trả tiền vì Tòa án vẫn chưa giải quyết xong vụ án, sau khi Tòa án giải quyết xong thì tôi sẽ trả cho chị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Ph trình bày: Trước đây, tôi có yêu cầu anh V chị L cùng có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng phát sinh từ việc anh V mượn để xây dựng nhà ở. Nhưng vào ngày 21/02/2022, chúng tôi có lập biên bản thỏa thuận. Theo đó, anh Trần Quốc V có trách nhiệm trả cho tôi 20.000.000 đồng do đó tôi xin rút yêu cầu khởi kiện.

- Vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y trình bày: Trước đây, chúng tôi có yêu cầu anh V chị L cùng có trách nhiệm trả 143.000.000 đồng phát sinh từ việc anh V chị L mượn để xây dựng nhà ở. Nhưng vào ngày 21/02/2022, chúng tôi có lập biên bản thỏa thuận. Theo đó, anh Trần Quốc V có trách nhiệm trả cho vợ chồng chúng tôi 143.000.000 đồng do đó chúng tôi xin rút yêu cầu khởi kiện.

- Ông Lê Văn Đ trình bày: Xe gắn máy Honda hiệu SH Mode biển số kiểm soát 78E1-35770 là do tôi đứng tên chủ sở hữu. Vào ngày 21/02/2022, chúng tôi có lập biên bản thỏa thuận. Theo đó, các bên xác nhận xe gắn máy này là tài sản chung của anh V chị L và khi phân chia tài sản chung thì chị L được sở hữu chiếc xe này thì tôi thống nhất, không có ý kiến gì.

Tòa án không tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Quốc V, được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu bị đơn anh Trần Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung. Thống nhất việc phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung tại biên bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2022 và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Trần Quốc V thực hiện nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch về tài sản khi ly hôn là 86.281.821 đồng (*làm tròn 86.282.000 đồng*). Ngoài ra, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí định giá tài sản.

- Bị đơn anh Trần Quốc V đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Trúc L, đề nghị Tòa án giao cháu Trần Minh P, sinh ngày 14/9/2016 cho anh Việt trực tiếp nuôi; giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019 cho chị Lê Thị Trúc L trực tiếp nuôi và các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Thống nhất việc phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung tại biên bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2022 nhưng do Tòa án chưa giải quyết xong việc ly hôn nên anh chưa trả tiền cho chị L. Trường hợp Tòa án buộc trả tiền cho chị L thì anh V chấp nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra anh V công nhận hai con chung hiện nay do chị L trực tiếp nuôi, lâu nay chị L nuôi các cháu thì các cháu vẫn phát triển bình thường, không có vấn đề gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph, vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y đều thống nhất với nội dung tại biên bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2022 về nghĩa vụ trả nợ chung của anh Trần Quốc V, không có yêu cầu gì khác và tự nguyện rút yêu cầu độc lập.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Văn Đ bà Lê Thị M đều thống nhất với nội dung tại biên bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2022 và không có yêu cầu gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị L với bị đơn anh V; giao hai con chung cháu Trần Minh P, sinh ngày 14/9/2016 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019 cho chị L trực tiếp nuôi; chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; công nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ

chung theo biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022; buộc anh V có nghĩa vụ trả 86.281.821 đồng cho chị L và anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí định giá tài sản của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quốc V đồng ý ly hôn với nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L và bị đơn anh Trần Quốc V.

[2] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi hai (02) con chung của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L thì thấy: Đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Trần Minh P được 05 tuổi 08 tháng và cháu Trần Minh T được 02 tuổi 07 tháng. Tại phiên tòa, bị đơn anh V công nhận lâu nay chị L trực tiếp nuôi hai cháu, các cháu vẫn phát triển bình thường, không có vấn đề gì trở ngại.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*

Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Đối chiếu yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn với quy định của Luật như đã viện dẫn trên và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Nguyên đơn và bị đơn đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi các cháu. Bị đơn anh V yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Minh P cho anh trực tiếp nuôi nhưng chính bản thân anh V công nhận lâu nay không đi lại, thăm nom các cháu và cũng không biết cháu P học trường nào, ở đâu. Mặt khác, anh V cũng thừa nhận lâu nay các cháu do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không có anh thì các cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, việc nguyên đơn chị L đề nghị giao hai con chung cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi là thỏa đáng, là bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho các cháu và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về phân chia tài sản chung, nghĩa vụ trả tiền và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Ngày 21/02/2022, chị L cùng với anh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph, vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y và vợ chồng ông Lê Văn Đ bà Lê Thị M đã thống nhất ký biên bản thỏa

thuận. Theo đó, các bên đã thống nhất xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị L anh V, ai nhận được cụ thể những loại tài sản gì, xác định nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, phân định cụ thể ai là người trách nhiệm trả nợ chung và xác định bị đơn anh V là người có nghĩa vụ trả giá trị phần chênh lệch, sau khi đối trừ nghĩa vụ, cho chị L số tiền 86.281.821 đồng vào ngày 20/3/2022. Xét, Biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên có giá trị hiệu lực pháp luật và ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên; điều này có nghĩa những nội dung thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất với nội dung của biên bản thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nghĩa vụ trả nợ chung. Cho đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn anh V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình theo như biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên do đó Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị đơn anh V có nghĩa vụ trả số tiền 86.281.821 đồng (*làm tròn số 86.282.000 đồng*) cho nguyên đơn chị L.

[5] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph, vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y đồng ý với biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 và đồng ý rút yêu cầu độc lập. Xét thấy việc rút yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph, vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y. Hậu quả của việc đình chỉ đối với yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về chi phí định giá tài sản: Căn cứ Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) của nguyên đơn chị L.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (*Một trăm năm chục nghìn đồng*) của nguyên đơn chị L, đã nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004224 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa nên hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L 450.000 đồng (*Bốn trăm năm chục nghìn đồng*). Buộc bị đơn anh V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.314.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Ph.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 165, Điều 218, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 116, 117, 275, 280 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L và anh Trần Quốc V.

2. *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung là cháu Trần Minh P, sinh ngày 14/9/2016 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 12/10/2019 cho nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung:* Công nhận sự thỏa thuận của các bên theo biên bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2022, cụ thể như sau: Bị đơn anh Trần Quốc V được sở hữu ngôi nhà cấp 3 có diện tích xây dựng 70,17m² mái đổ bê tông; có một trệt và một lầu được xây dựng trên một phần đất của vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y tại huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên và một bộ bàn ghế gỗ (*hiện nay bị đơn anh Trần Quốc V đang quản lý tài sản*). Đồng thời bị đơn ông Trần Quốc V có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Văn H bà Lê Thị Y số tiền 143.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu đồng*) và trả cho bà Trần Thị Ph số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L được nhận một xe gắn máy Honda hiệu SH Mode biển số kiểm soát 78E1-35770 (*Theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024206*).

5. *Về nghĩa vụ trả tiền do chênh lệch tài sản:* Buộc bị đơn anh anh Trần Quốc V có nghĩa vụ trả số tiền 86.282.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng*) cho nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L.

Trường hợp người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. *Về yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đình chỉ đối với phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph, vợ chồng ông Trần Văn H và bà Lê Thị Y. Hậu quả của việc đình chỉ đối với yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. *Về chi phí định giá tài sản:* Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L, đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

8. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm chục nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004224 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa nên hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L 450.000

đồng (*Bốn trăm năm chục nghìn đồng*). Buộc bị đơn anh Trần Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.314.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ph 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004267 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND H. Phú Hòa (02);
- CC THADS H. Phú Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã HQB, H.Phú Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Tâm